

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2023

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Thanh Vân**

Bà Thạch Thị Lan Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Duy Hoàng Thao** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lương Văn S**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Ph T, xã Ph Th, huyện L H, tỉnh LĐ.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Ph T, xã Ph Th, huyện L H, tỉnh L Đ.

(Ông *Lương Văn S* có mặt, bà *Nguyễn Thị T* vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông *Lương Văn S* trình bày: Ông *Lương Văn S* và bà *Nguyễn Thị T* xây dựng gia đình với nhau năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại thôn Lâu Đồng, xã Phúc Thành, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Thành,

huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) nhưng do nhà ông bà bị cháy nên đã cháy giấy chứng nhận kết hôn. Năm 1994 thì ông S và bà T chuyển vào sống tại thôn Phúc Tân, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống ông bà hòa thuận đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau nên hay cãi nhau, sau đó bà T bỏ đi làm ăn tại Bình Dương từ năm 1996- 1997 đến nay. Trong thời gian này ông S và bà T cũng không thể hàn gắn mà phần ai người nấy sống nên ông S đã đi chung sống với người khác, đã có con riêng. Vì vậy, ông S yêu cầu ly hôn để ông S làm các thủ tục giấy tờ.

Về con chung: Ông S xác định giữa ông S và bà T có một con chung là Lương Thị Nhung, sinh ngày 02/3/1991. Hiện nay con đã đủ tuổi trưởng thành, đã có việc làm ổn định nên ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông S xác định ông và bà T không có tài sản chung và nợ chung nên ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông S không còn yêu cầu gì khác.

2. *Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà Nguyễn Thị T và ông Lương Văn S xây dựng gia đình với nhau năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Thành, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương). Sau khi cưới thì ông bà sống cùng với bố mẹ ông S tại thôn Lâu Đồng, xã Phúc Thành, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Đến năm 1994 thì ông bà đi làm ăn tại thôn Phúc Tân, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Năm 1995 nhà bị cháy nên bị cháy tất cả các giấy tờ gồm cả giấy chứng nhận kết hôn. Do thời điểm năm 1995 ông bà còn trẻ nên vợ chồng suốt ngày cãi nhau, khoảng năm 1997 bà T bỏ nhà đi làm ăn xa nên bà T và ông S sống ly thân đến nay. Nay ông bà không còn tình cảm gì nên bà T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông S.

Bà T và ông S có một con chung là Lương Thị Nhung, sinh ngày 02/3/1991. Hiện nay con đã đủ tuổi trưởng thành, đã có việc làm ổn định nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung do bà T không có giấy tờ nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung giữa bà T và ông S không có nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải nhưng hòa giải không thành. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Sứ. Các vấn đề khác không đặt ra để xem xét giải quyết. Buộc ông S phải chịu án phí về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà T là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quá trình giải quyết vụ án ông Lương Văn S và bà Nguyễn Thị T đều thừa nhận ông bà xây dựng gia đình với nhau năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Thành, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) nhưng ông bà không có giấy chứng nhận kết hôn để nộp cho Tòa án, lý do năm 1995 nhà ông bà bị cháy nên đã cháy hết các giấy tờ. Ông S có nộp đơn xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Quang Thành (trước đây là xã Phúc Thành), thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xác nhận năm 1990 ông S và bà T có đăng ký kết hôn. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã gửi văn bản cho Ủy ban nhân dân xã Quang Thành và ủy thác cho Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đề nghị xác minh thu thập chứng cứ liên quan đến việc đăng ký kết hôn của ông S và bà T thì kết quả xác minh thể hiện ông S và bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Thành (nay là xã Quang Thành) thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào năm 1990. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông S và bà T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án ông S và bà T đều cho rằng ông bà chỉ chung sống với nhau từ năm 1990 đến năm 1997 thì hai bên không chung sống với

nhau nữa, do vợ chồng không hợp nhau nên bà T đã chuyển đi nơi khác sống, ông S cũng đã có gia đình riêng nên từ năm 1997 đến nay ông bà đã không còn chung sống với nhau, đến nay tình cảm không còn nên ông S yêu cầu ly hôn thì bà T đồng ý. Xét thấy, ông S và bà T chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn thì hai bên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thực tế ông bà đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài và mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, nay hai bên đều thống nhất giải quyết ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Súc, xử cho ông S và bà T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Ông Lương Văn S và bà Nguyễn Thị T cùng xác định có một con chung là Lương Thị Nhung, sinh ngày 02/3/1991. Hiện nay con đã đủ tuổi trưởng thành, đã có việc làm ổn định nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, hiện nay con chung của ông bà đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đặt ra để xem xét giao cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm nuôi dưỡng giáo dục mà đây là trách nhiệm chung của ông Súc, bà T đối với con ông bà.

[4] *Về tài sản chung*: Ông Lương Văn S xác định không có, còn bà Nguyễn Thị T xác định có nhưng bà có giấy tờ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Ông Lương Văn S và bà Nguyễn Thị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] *Về án phí*: Buộc ông Lương Văn S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Lương Văn S, xử cho ông Lương Văn S và bà Nguyễn Thị T được ly hôn.

2. Về án phí: Ông Lương Văn S phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Lương Văn S đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0014886 ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Ông Lương Văn S đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/9/2023) ông Lương Văn S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Trịnh Đoàn Hạnh Trang